

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2022/HC-PT

Ngày 24 - 5 - 2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 513/2021/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 617/2022/QĐPT-HC ngày 5 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 74, đường T, khu phố 1, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 40/17A, đường C, khu phố 1, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền lập ngày 06-3-2020; có mặt.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; có văn bản xin vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; có văn bản xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Ông Lê Quang Đ, chức vụ: Giám đốc, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lương Nguyễn Đăng D, chức vụ: Phó Giám đốc, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Bảo Ch, chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận, thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh; có mặt.

+ Ông Trần Văn Lô – Chuyên viên, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh; có văn bản xin vắng mặt.

2. Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 74, đường T, khu phố 1, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 74, đường T, khu phố 1, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền lập ngày 25-5-2020; có mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1962; địa chỉ: E33/10, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 40/17A, đường C, khu phố 1, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; theo văn bản ủy quyền lập ngày 06-3-2020; có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

6. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1977 và ông Lê Huy L, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị Kim Ph, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1930; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị Trúc A, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

10. Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch,

tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

12. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Dậy, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

14. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

15. Ông Trần Ngọc Th, sinh năm 1947 và bà Đặng Thị A, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

16. Chị Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

17. Anh Lê Quốc B, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

18. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

19. Ông Tô Văn H, sinh năm 1974 và bà Đỗ Thị A, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

20. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1959 và ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1949; cùng địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

21. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

22. Bà Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

23. Ông Hoàng Đình Tr, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 10, tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

24. Bà Thái Thị Minh L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

25. Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

26. Chị Phùng Thị Mỹ T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

27. Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

28. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 02, tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

29. Ông Nguyễn Tấn Th3, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

30. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

31. Bà Mai Thị C, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

32. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

33. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

34. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

35. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

36. Bà Lý Thị Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

37. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

38. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

39. Ông Lý Văn C, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

40. Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

41. Ông Lê Quang D, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 6B, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

42. Ông Phạm Thế H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

43. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

44. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

45. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Hữu Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện - ông Nguyễn Hữu Th và người đại diện theo ủy quyền của ông Th là ông Nguyễn Hữu Đức trình bày:

Cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1918 và cụ Nguyễn Thị D, sinh năm 1919 là ông bà nội của ông Th.

Vào ngày 09-9-1961, cụ C và cụ D có mua của cụ Võ An Kh, sinh năm 1910, vợ là cụ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1922 phần đất có diện tích 25 ha, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh. Trên đất trồng cây cao su. Trước khi chết, cụ C và cụ D có viết di chúc để lại cho ông Th, ông Ph, ông T mỗi người 05 ha, phần còn lại hiến cho Đạo Cao Đài.

Trong quá trình quản lý, sử dụng cụ C trồng cây cao su trên đất và nhiều lần liên hệ để xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được vì Nhà nước cho rằng đây là đất công. Ngày 21-02-1992, cụ C lập giấy hiến 9,2 ha đất cho Hội thánh Phước Thiện Tòa thánh Tây Ninh. Đối với diện tích đất còn lại, ông Th, ông T và ông Ph chia nhau quản lý, sử dụng, trồng cây cao su trên đất cho đến nay.

Ngày 15-3-2018, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số: 694/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 255.711 m² (trong đó có diện tích 15 ha đất anh em ông Th đang quản lý, sử dụng, trồng cao su). Không đồng ý với quyết định trên, ông Th làm đơn khiếu nại. Ngày 09-4-2019, Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Văn bản số: 685/UBND-DT về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Th, nội dung không xem xét giải quyết khiếu nại của ông Th, với lý do: Khiếu nại không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

Nay ông Th khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh và Văn bản số: 685/UBND-DT ngày 09-4-2019, của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh; với những lý do sau:

+ Ngày 13-3-1989, UBND tỉnh Tây Ninh có Văn bản số: 59/CV-UB, nội dung: Đối với diện tích cao su mà Nhà nước quản lý thì có 176 ha là tịch thu, số còn lại 610,5 ha thì chỉ đạo cho UBND huyện giao cho hộ tư nhân quản lý, sử dụng lâu dài và khai thác mủ cao su bán lại cho Nhà nước. Ngày 14-4-2020, UBND tỉnh ban hành Văn bản số: 752/UBND-TD, về việc phúc đáp Công văn số: 07/TA-THC ngày 25-02-2020, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, có nội dung xác định diện tích đất ông Th đang khiếu kiện nằm trong diện tích 610,5 ha đất của 58 hộ tư nhân, không phải nằm trong diện tích đất cao su bị tịch thu. Điều này chứng tỏ Nhà nước đã thừa nhận quyền sử dụng đất cho cụ C trước đây, nay là các anh em của ông Th. Ngoài ra, theo văn bản trình bày của UBND tỉnh thì căn cứ thu hồi đất của cụ C là do giao dịch giữa Công ty cao su và cụ C là hợp đồng giao khoán, tuy nhiên thực tế giao dịch này là hợp đồng mua bán mủ cao su, không phải hợp đồng giao khoán.

+ UBND tỉnh Tây Ninh cho rằng cụ C vi phạm khoản 1 Điều 65 của Luật

Đất đai, Điều 46 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại các điều luật trên thì cụ C không thuộc trường hợp bị thu hồi đất.

+ Đối chiếu với Văn bản số: 1484/CP-NN ngày 16-12-1998, của Thủ tướng Chính phủ, có nội dung không xem xét trả lại vườn cao su do tư nhân sử dụng trước 1975 mà nhà nước đang quản lý thì Nhà nước không quản lý diện tích đất này mà trước đây do cụ C quản lý, sử dụng nay là ông Th, ông Ph và ông T quản lý, sử dụng, trồng cây cao su cho đến nay nên không thuộc trường hợp điều chỉnh bởi văn bản này.

Theo Văn bản số: 1958/UBND-TD ngày 14-9-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, có nội dung:

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ có liên quan đến vụ việc của ông Nguyễn Hữu Th, UBND tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh và Văn bản số: 685/UBND-DT ngày 09-4-2019, của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Ngày 31-12-2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch có Bản ghi ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Ch như sau:

Phần đất có diện tích đo đạc thực tế hiện nay là 25,55 ha, có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn C mua lại của người Pháp vào năm 1961 với diện tích 24 ha, đất trồng cây cao su.

Sau giải phóng 30-4-1975, Nhà nước thực hiện chính sách cải tạo tư bản tại Miền Nam và tiến hành cải tạo công thương nghiệp quản lý toàn bộ vườn cao su của cụ C. Năm 1977, UBND tỉnh Tây Ninh giao cho Công ty cao su Tây Ninh quản lý toàn bộ diện tích thuộc diện cải tạo và hiến trên địa bàn tỉnh, trong đó có diện tích đất của cụ C. Thực hiện Công văn số: 59/UBND ngày 13-3-1989 của UBND tỉnh, về việc khoán quản lý, chăm sóc, khai thác và trồng mới cao su. Ngày 12-4-1989, Công ty Cao su Tây Ninh tiến hành ký kết Hợp đồng giao khoán số: 01/04/HĐMBCS với cụ C, đối với diện tích đất nêu trên. Ngày 05-11-1991, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số: 232/QĐ-UB về việc quản lý diện tích đất đã trồng cây cao su, vườn cao su và kinh doanh mủ cao su các loại trong tỉnh.

Đến tháng 8-1994, cụ C làm đơn xin thanh lý toàn bộ diện tích 24 ha cây cao su và được Công ty Cao su Tây Ninh đồng ý cho thanh lý nhưng phải trồng mới cây cao su trong năm 1995. Nhưng trước khi xin thanh lý cây cao su, ngày 21-01-1992, vợ chồng cụ C tự ý làm giấy hiến đất cho Hội thánh Phước Thiện Tòa thánh Tây Ninh diện tích 9,2 ha. Việc hiến đất của vợ chồng cụ C là vi phạm pháp luật về đất đai, Nhà nước không xem xét trả lại vườn cao su do tư nhân làm chủ sở hữu trước năm 1975, không thuộc diện quốc hữu hóa mà Nhà nước đang quản lý. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh có Công văn số: 602/STNMT-ĐKTK ngày 09-5-2007 báo cáo UBND tỉnh Tây Ninh, về việc Hội đồng Chương quản Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung là không xem xét cấp giấy cho tôn giáo Cao Đài vì cụ C tự ý hiến đất không thuộc quyền sử dụng của

mình và không thuộc những trường hợp được cấp giấy theo Điều 49 của Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 31-8-2007, UBND huyện Ch có Báo cáo số: 60/BC-UBND về việc báo cáo tình hình và hiện trạng sử dụng đất cao su thanh lý của cụ C và xin chủ trương UBND tỉnh Tây Ninh giao diện tích đất trên cho huyện quản lý.

Căn cứ Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc thu hồi 255.711,0 m² đất tại xã T, huyện Ch.

Căn cứ Quyết định số: 695/QĐ-UBND ngày 15-3-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc giao 255.711,0 m² đất tại ấp S, xã T, huyện Ch cho UBND huyện Ch quản lý, tổ chức phương án sử dụng đất.

Từ các căn cứ và lập luận trên, đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với bên người khởi kiện.

Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh không tham gia tố tụng và không có ý kiến.

Ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu Ph thống nhất theo đơn khởi kiện và ý kiến, yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Th.

Ông Nguyễn Tấn S trình bày: Nguồn gốc phần đất ông đang quản lý, sử dụng hiện nay là đất của cụ C hiến cho Đạo Cao Đài. Do thấy đất trống nên ông tự đến cất nhà ở, quản lý, sử dụng từ năm 1991 cho đến nay. Đến năm 2013, ông có đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được Nhà nước chấp nhận. Ông yêu cầu hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ông Lê Quang D trình bày: Nguồn gốc phần đất do gia đình ông khai phá năm 1989, đến năm 1991 thì xây nhà kiên cố cho đến nay. Ông có đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được Nhà nước chấp nhận. Ông yêu cầu hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Bà Lý Thị Th trình bày: Nguồn gốc phần đất vợ chồng bà sử dụng là do chồng bà khai phá từ năm 1990, đến năm 2010 bà sửa nhà, xây kiên cố cho đến nay. Bà có đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được Nhà nước chấp nhận. Bà yêu cầu hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà.

Tại các biên bản ghi lời khai của bà Lê Thị Ng, ông Lê Huy L, bà Ngô Thị L, chị Nguyễn Tuyết T, bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Văn N, bà Thái Thị Minh L, chị Phùng Thị Mỹ T, bà Phạm Thị H, bà Mai Thị C, bà Đỗ Thị T, bà Phạm Ngọc N, ông Phạm Thế H, chị Nguyễn Thị Kim Th và bà Nguyễn Thị Mỹ

đều khai nhận: Đất đang quản lý, sử dụng là do nhận chuyển nhượng của người khác, việc chuyển nhượng (mua bán) chỉ làm giấy tay; riêng chị Nguyễn Thị Kim Th thì được cô ruột tặng cho. Trong quá trình sử dụng đất, có đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được Nhà nước chấp nhận.

Việc ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh thì các đương sự trên không có ý kiến. Riêng ông Phạm Thế H và bà Phạm Ngọc N yêu cầu hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ các ông, bà.

Tại các biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Anh H, chị Nguyễn Thị Trúc An, bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Dậy, ông Lê Văn Th, bà Phạm Thị N, ông Tô Văn H, bà Đỗ Thị Ánh, ông Nguyễn Phước L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thu S, ông Nguyễn Tấn Đ, ông Nguyễn Tấn Th3 đều khai nhận: Nguồn gốc phần đất mà các đương sự đang quản lý, sử dụng là do tự khai phá từ trước năm 1990, đã cất nhà trên đất và sử dụng ổn định cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, có đi kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được Nhà nước chấp nhận. Việc ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh thì các đương sự trên không có ý kiến. Riêng ông Nguyễn Tấn Đ và ông Nguyễn Tấn Th3 yêu cầu hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông.

Tại các biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thanh H, bà Phạm Thị Kim Ph, bà Nguyễn Thị Kh, ông Phạm Thanh T, ông Trần Ngọc Th, bà Đặng Thị Anh, anh Lê Quốc B, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị Th đều khai nhận: Đất đang quản lý, sử dụng là do cụ C cho ở nhờ trên đất. Việc ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh thì các đương sự trên không có ý kiến.

Tại các biên bản ghi lời khai ông Hoàng Đình Tr, bà Nguyễn Thị Th2 (chồng là Lý Văn C) và ông Đình Văn C đều khai nhận: Nguồn gốc phần đất mà các đương sự đang quản lý, sử dụng là do nhận sang nhượng từ bà Lê Thị Tr (bà Tr là vợ của ông Nguyễn Văn L), bà Cao Thị L; do ông L – bà Tr, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có lập hợp đồng sang nhượng, sau đó ông Tr, bà Th và ông C đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh thì các đương sự trên không có ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Tây Ninh và Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh trình bày:

Ngày 13-3-1989, UBND tỉnh có ban hành Văn bản số 59 có nội dung giao khoán 610,5 ha cho 58 hộ tư nhân quản lý, sử dụng. Về hợp đồng mua bán mủ

cao su thì do xuất phát từ Văn bản số 59 nên mới có hợp đồng này, thực tế đây là hợp đồng giao khoán, không phải hợp đồng mua bán mủ. Trường hợp của cụ C nằm trong sự điều chỉnh của Công văn số: 1484/CP-NN ngày 16-12-1998, của Thủ tướng Chính phủ. Vì vậy, UBND tỉnh vẫn giữ nguyên Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018, của UBND tỉnh Tây Ninh và Chủ tịch UBND tỉnh giữ nguyên Công văn số: 685/UBND-TD ngày 09-4-2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2021/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 63 và khoản 1 Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 7 và Điều 21 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 694/QĐ-UBND ngày 15-3-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và Văn bản số: 685/UBND-DT ngày 09-4-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, ông Nguyễn Hữu Th có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp cho người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 (viết tắt là Quyết định 694) của UBND tỉnh Tây Ninh và văn bản số 685/UBND-DT (viết tắt là văn bản số 685) ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại toà, qua kết quả tranh luận, nghe lời phát biểu của các đương sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà.

[1] Về tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Về đối tượng khởi kiện: Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định 694 và Văn bản số 685 là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với các Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Về thời hiệu: Còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về tính hợp pháp của các Quyết định trên.

+ Về hình thức của Quyết định 694 được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định Luật đất đai; Văn bản 685 về việc giải quyết khiếu nại của ông Th mặc dù Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh không ban hành Quyết định, nhưng nội dung như Quyết định hành chính, nên xem như Quyết định giải quyết khiếu nại.

+ Về nội dung của các Quyết định:

Để xem xét tính có căn cứ, tính hợp pháp của Quyết định 694 cần xem xét nguồn gốc đất, quá trình sử dụng cũng như các quyết định khác có liên quan đến phần đất này.

Qua các chứng cứ trong hồ sơ cũng như các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc 255.711 m² đất tại ấp S, xã T, huyện Ch, tỉnh Tây Ninh mà UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Thị D mua từ ngày 26/9/1961. Sau khi mua đất gia đình cụ C trồng cây cao su. Sau năm 1975 gia đình cụ C vẫn sử dụng vào mục đích trên. Đến ngày 13/3/1989 UBND tỉnh ban hành văn bản số 59/CV-UB có nội dung:

“...2/ Đối với 610,5 ha cây cao su của 58 hộ tư nhân.

...Xí nghiệp cùng UBND huyện, thị thực hiện khoán lại cho chủ cũ theo những nguyên tắc sau:

a/ UBND huyện, thị giao đất cho 58 hộ tư nhân để sử dụng lâu dài: trồng mới, chăm sóc, khai thác mủ cao su và bán lại cho Nhà nước...

b/ Xác định rõ việc giao đất cho 58 hộ nói trên là để kinh doanh... trồng cây cao su theo quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước, chủ cũ được nhận khoán, không được quyền sử dụng vào mục đích kinh doanh khác, đồng thời cần nhấn mạnh đến quyền sử dụng thừa kế sau này của con cháu người được nhận khoán, nếu con cháu được uỷ quyền để tiếp tục quản lý về kinh doanh trên đất được giao theo quy định”.

Sau đó, gia đình cụ C cũng như ông Th đã và đang sử dụng từ ngày UBND ban hành Văn bản số 59/CV-UB cho đến nay.

UBND cho rằng trong văn bản số 59/CV -UB có danh sách kèm theo thì có hộ ông Nguyễn Văn C (ông nội người khởi kiện). Thế nhưng, tại biên bản kiểm tra thực địa ngày 22/6/2012 của Văn phòng UBND tỉnh thì tại phần ý kiến của Công ty TNHH MTV Cao su 1/5 Tây Ninh có ý kiến: “CTY TNHH MTV Cao su 1/5 Tây Ninh trước đây được chuyển đổi từ Liên Hiệp Xí nghiệp cao su Tây Ninh. Từ khi chuyển đổi, công ty không có tiếp nhận và quản lý hồ sơ đất cũng như hợp đồng khoán đất của ông Ca”.

UBND tỉnh Tây Ninh và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Văn bản số 59/CV-UB và Văn bản số 1484/CP-NN ngày 16/12/1989 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết vườn cao su do tư nhân là chủ sở hữu trước năm 1975 không thuộc diện quốc hữu hoá mà Nhà nước đang quản lý để xác định diện tích đất trên không còn quyền sử dụng của gia đình người khởi kiện nữa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Văn bản số 1484/CP-NN này 16/12/1989 của Thủ tướng Chính phủ là văn bản mang tính chất định hướng, còn việc triển khai thực hiện văn bản trên thì UBND tỉnh phải áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể. Qua đó đối chiếu phần đất của gia đình cụ C thì tại phiên tòa UBND tỉnh có văn bản số 1559/UBND -TD ngày 17/5/2022 thừa nhận không tìm thấy Quyết định thu hồi đất, giao đất cho Công ty cao su Tây Ninh vào thời điểm từ năm 1975 đến năm 1989, trước khi UBND tỉnh ban hành Văn bản số 59/CV-UB ngày 13/3/1989 về việc thực hiện khoán, quản lý, chăm sóc, khai thác, trồng mới cây cao su; Quyết định trưng thu, trưng dụng đối với khu đất mà ông Nguyễn Hữu Th đang khiếu nại. Điều này phù hợp với lời trình bày của đại diện Công ty cao su Tây Ninh khẳng định tại biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 22/6/2012: “Công ty cao su không tiếp nhận và quản lý hồ sơ cũng như hợp đồng giao khoán đất của ông Nguyễn Văn C...”. Do đó, có căn cứ xác định từ năm 1975 đến ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi 694 thì UBND tỉnh không áp dụng Công văn số 1484/CP-NN để ban hành các quyết định cụ thể đối với phần đất này.

Tòa án cấp sơ thẩm và UBND còn cho rằng phần đất trên sau năm 1989 Nhà nước quản lý thông qua các chứng cứ là Công ty Cao su Tây Ninh tiến hành ký kết hợp đồng giao khoán số 01/04/HĐCS ngày 12/4/1989 với cụ C đối với toàn bộ diện tích đất trên và tháng 12/1989 cụ C làm đơn xin thanh lý 03 ha đất trồng cao su để chuyển sang làm nông nghiệp. Thế nhưng, qua xem xét hợp đồng số 01/04/HĐCS nội dung thể hiện hợp đồng mua bán mủ cao su, bên bán là cụ Nguyễn Văn C, bên mua là Công ty Cao su Tây Ninh chứ không liên quan gì đến phần đất như lời trình bày của UBND và nhận định của tòa sơ thẩm. Điều này được chứng minh qua văn bản báo cáo số 7727/BC-STNMT ngày 16/11/2020 của Sở tài nguyên và môi trường “... ngày 12/4/1989 Công ty Cao su Tây Ninh tiến hành ký hợp đồng mua bán mủ cao su số 01/04/HĐCS với ông Nguyễn Văn C...”; đơn xin thanh lý của cụ C nội dung cũng thể hiện cụ C xin

thanh lý cây cao su đã trồng trên đất chứ không liên quan gì đến phần đất của gia đình ông.

Ngoài ra, tại biên bản kiểm tra ngày 22/6/2012 đại diện Công ty TNHH MTV Cao su 1-5 Tây Ninh trình bày: “...Đến nay, căn cứ theo quyết định 871/QĐ-UBND ngày 12/5/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2046 của Công ty thì diện tích đất công ty quản lý chỉ bao gồm các huyện Tân Châu, Hoà Thành, Dương Minh Châu, không có diện tích đất khu vực Châu Thành”.

Qua các chứng cứ trên thực tế diện tích đất ông Th đang khởi kiện có nguồn gốc rõ ràng, có giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Gia đình ông Th sử dụng liên tục từ năm 1961 đến năm 1989 không bị cơ quan quản lý Nhà nước ban hành Quyết định nào đối với phần đất trên, từ năm 1989 đến nay theo Văn bản số 59/CV-UB đã giao cho gia đình ông Ca (Thuần) tiếp tục sử dụng ổn định cho đến nay. Căn cứ Nghị định 43/2014 thì phần đất trên đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Nay UBND thu hồi mà không bồi thường hay hỗ trợ gì đối với ông Th là không đúng, nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th huỷ Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Do Quyết định 694/UBND bị huỷ nên kéo theo văn bản số 685/UBND- DT ngày 9/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh cũng bị huỷ.

Liên quan đến Quyết định 694/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 là Quyết định 695/UBND ngày 15/3/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao diện tích đất bị thu hồi trên cho UBND huyện Ch, tỉnh Tây Ninh quản lý, tổ chức phương án sử dụng đất. Xét thấy, mặc dù người khởi kiện không yêu cầu huỷ Quyết định 695/QĐ-UBND ngày 15/3/2018, nhưng cấp sơ thẩm có xem xét trong phần nhận định. Do đó, nếu huỷ Quyết định 694/QĐ-UBND thì Quyết định 695/QĐ-UBND vẫn còn hiệu lực và không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử xem xét huỷ luôn cả Quyết định 695/QĐ-UBND theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính mà không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính:

Về án phí sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng. Ông Quách Hữu Thuần không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên ông Quách Hữu Thuần không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Th.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Luật đất đai 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th:

Hủy các Quyết định số 694/QĐ - UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 695/QĐ - UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; Văn bản số 685/UBND- DT ngày 9/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh.

II. Về án phí hành chính:

1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Hữu Th không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn lại 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001049 ngày 21/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Th không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được hoàn lại 300.000 đồng án phí theo biên lai số 0001701 ngày 13/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đường sự (48)
- Lưu: HS, VP. (55)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên